

Name:

Date: / / 20....

Class: S2...

Tel: 034 200 9294



Vocabulary:

RD & WT:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 2

Movers speaking & Interview Prep

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

A. New Vocabulary

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	longer (adj)	dài hơn	4	jump out (v)	nhảy ra
2	most (adj)	hầu hết	5	loudest (adj)	ồn, lớn tiếng nhất
3	biggest (adj)	to lớn nhất			

Lưu ý: n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ

B. Homework

I. Unscramble. There is one example.

0. u c i r o s u

-> curious



3. u o l d

-> l _____



1. e a l f

-> l _____



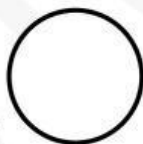
4. e a t h r

-> h _____



2. i r c c e l

-> c _____



5. o o f t e p s t

-> f _____

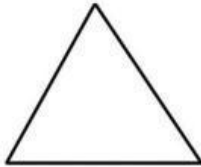


II. Write the correct number and fill in the gap. There is one example.

0. <u>20</u> t w e n t y	1. t h _ _ r t y	2. _ _ n e h _ _ n d r _ _ d
------------------------------------	-------------------------	-------------------------------------

3.	4.	5.
<u> </u> fi__ty	<u> </u> ei g__ty	<u> </u> si__ty

III. Match words with pictures. There is one example.



strong
rectangle
quiet
triangle
square



IV. Reorder the words to make sentences. There is one example.

0. beetle / yellow / is happy. / The tiny

→ The tiny yellow beetle is happy.

1. has / footsteps. / The cricket / tiny

→ _____

2. 35 centimetres / is / long. / My arm

→ _____

3. between / The web / two trees. / is

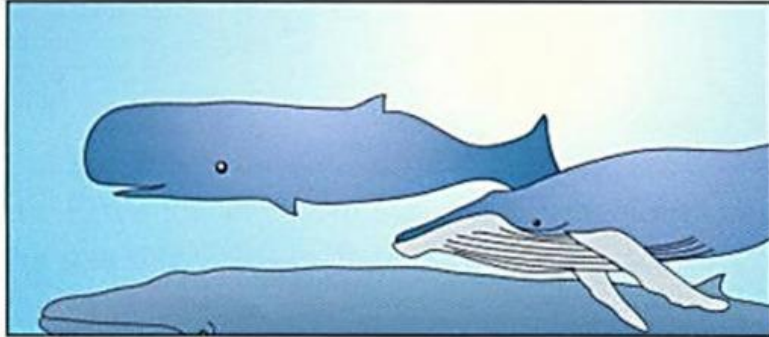
→ _____

4. white / has / wings. / That bird

→ _____

Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc

Whales



Example

Whales live in the sea.

1 There big whales and small whales.

2 The smallest whale is longer a man.

3 The biggest is the blue whale and it is very, very long. The blue whale is the biggest and loudest animal

4 the world! Most whales sing songs to families.

5 All whales swim very fast. They move quickly in the water and they like to jump out of the water.

Example	live	lives	living
1	was	is	are
2	or	than	but
3	in	of	on
4	them	their	they
5	can	be	have

I. Write the correct words. There is one example.

0. <u>20</u> t <u>w</u> enty	1. 30 t_____	2. 50 f_____
3. 70 s_____	4. 80 e_____	5. 100 o_____h_____

II. Write the correct PAST SIMPLE form of the verbs. There is one example.

STT	V nguyên thể	V quá khứ
0	go	went
1	see	
2	run	
3	read	
4	eat	
5	tell	

*Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1 dòng**.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

